

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Hà Nội T10- 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	30 tháng 09 năm 2019	01 tháng 01 năm 2019
100	A – Tài sản ngắn hạn	802.551.603.263	876.654.762.261
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	146.307.310.836	284.863.979.715
111	1. Tiền	95.707.310.836	205.213.979.715
112	2. Các khoản tương đương tiền	50.600.000.000	79.650.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.521.538.200	2.856.095.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh	636.162.000	636.162.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	(114.623.800)	(180.066.100)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	2.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	199.829.992.326	237.329.069.530
131	1. Phải thu khách hàng	146.199.298.455	194.369.465.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	44.352.226.571	38.544.607.767
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	16.761.750.158	11.986.396.629
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(7.485.622.858)	(7.571.400.864)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	2.340.000	
140	IV. Hàng tồn kho	448.438.613.288	345.021.765.287
141	1. Hàng tồn kho	460.192.636.323	353.579.281.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(11.754.023.035)	(8.557.515.971)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	3.454.148.613	6.583.851.829
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.242.588.313	4.912.976.948
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	203.778.043	1.511.852.317
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7.782.257	159.022.564
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN	828.224.137.908	684.543.805.034
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		
220	II. Tài sản cố định	478.015.202.092	480.397.357.299
221	1. Tài sản cố định hữu hình	262.441.705.288	272.752.908.963
222	- Nguyên giá	487.246.626.234	475.465.947.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(224.804.920.946)	(202.713.038.632)
227	3. Tài sản cố định vô hình	215.573.496.804	207.644.448.336
228	- Nguyên giá	241.432.675.448	232.179.691.187
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(25.859.178.644)	(24.535.242.851)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	174.668.028.790	13.193.010.235
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	174.668.028.790	13.193.010.235
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	26.049.020.000	26.049.020.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.049.020.000	26.049.020.000
260	V. Tài sản dài hạn khác	149.491.887.026	164.904.417.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.844.889.907	9.095.495.376
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.651.409.594	3.249.829.739
268	4. Tài sản dài hạn khác	1.005.116.230	1.005.116.230
269	5. Lợi thế thương mại	131.990.471.295	151.553.976.155
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.630.775.741.171	1.561.198.567.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	30 tháng 09 năm 2019	01 tháng 01 năm 2019
300	A - NỢ PHẢI TRẢ	565.271.699.377	508.604.518.070
310	I. Nợ ngắn hạn	493.919.033.071	397.693.718.394
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	65.165.738.416	100.290.893.103
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.782.073.459	51.547.686.494
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.372.892.720	10.936.927.137
314	4. Phải trả người lao động	15.738.998.279	30.235.341.459
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.879.025.867	9.386.827.253
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	242.439.700	328.878.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	189.024.042.458	86.241.608.826
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	161.461.755.209	81.253.352.792
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	35.252.066.963	27.472.203.330
330	II. Nợ dài hạn	71.352.666.306	110.910.799.676
337	7. Phải trả dài hạn khác	239.192.000	150.242.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	38.322.416.494	77.764.047.998
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.791.057.812	32.996.509.678
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	1.065.504.041.794	1.052.594.049.225
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.065.504.041.794	1.052.594.049.225
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)	(50.000.000)	(50.000.000)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	393.888.565.571	361.419.776.103
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.997.037.172	102.133.331.443
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(26.022.377.094)	(3.379.266.686)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	116.019.414.266	105.512.598.129
429	12. Lợi ích của cổ đông thiểu số	74.553.031.201	81.975.533.829
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.630.775.741.171	1.561.198.567.295

Ngày 16 tháng 10 năm 2019

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý



Trần Kim Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUA KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 3 năm 2019	Quý 3 năm 2018	Lũy kế năm 2019	Lũy kế năm 2018
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.165.594.947	240.847.592.022	1.084.685.695.828	1.130.105.755.515
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.276.736.046	25.743.024.926	112.295.055.428	72.360.086.356
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	169.888.858.901	215.104.567.096	972.390.640.400	1.057.745.669.159
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	107.958.992.379	130.572.023.825	621.156.079.407	683.045.345.278
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	61.929.866.522	84.532.543.271	351.234.560.993	374.700.323.881
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.998.611.628	4.931.761.841	5.499.740.841	6.700.757.938
22	7. Chi phí tài chính	1.264.394.602	6.024.670.792	10.598.840.407	15.959.321.510
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	1.099.061.792	5.711.120.128	8.702.284.346	8.520.773.969
25	8. Chi phí bán hàng	17.145.067.087	16.572.798.026	85.516.899.052	83.436.803.792
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.355.549.046	29.287.930.002	105.356.405.528	110.640.029.112
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	22.163.467.415	37.578.906.292	155.262.156.847	171.364.927.405
31	11. Thu nhập khác	1.232.026.558	83.241.604	2.695.251.588	2.266.825.037
32	12. Chi phí khác	822.371.973	2.191.741.029	3.147.868.021	2.450.978.267
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	409.654.585	(2.108.499.425)	(452.616.433)	(184.153.230)
50	15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	22.573.122.000	35.470.406.867	154.809.540.414	171.180.774.175
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.036.244.594	2.172.151.784	21.877.078.414	15.392.041.542
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(365.230.345)	697.985.682	38.440.010	(612.025.899)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	17.902.107.751	32.600.269.401	132.894.021.990	156.400.758.532
61	Lợi ích của công ty mẹ	17.226.670.588	31.382.555.323	128.864.912.775	145.328.873.909
62	Lãi thuộc về các cổ đông thiểu số	675.437.163	1.217.714.078	4.029.109.215	11.071.884.623
70	19 Lãi trên cổ phiếu	980	2.053	7.332	9.509
	- Lãi cơ bản	980	2.053	7.332	9.509
	- Lãi suy giảm				

Ngày 16 tháng 10 năm 2019

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tỷ



Trần Kim Liên

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

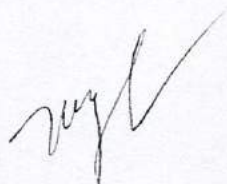
Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế đến 30/09/2019	Lũy kế đến 30/09/2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	987.638.816.298	1.106.606.177.521
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(737.639.886.363)	(839.152.751.623)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(112.455.501.546)	(124.523.962.378)
4	Tiền lãi vay đã trả	(10.010.813.661)	(4.752.588.396)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(25.894.126.048)	(19.528.525.485)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	134.060.831.634	49.510.062.934
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(161.489.672.546)	(101.509.589.734)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	74.209.647.768	66.648.822.839
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(180.416.481.226)	(24.382.160.736)
22	Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	140.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.900.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	2.300.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(184.674.028.318)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.133.281.865	4.768.799.930
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(177.743.199.361)	(204.287.389.124)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(17.170.898.895)	(10.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	266.406.739.607	299.682.000.055
34	Tiền trả nợ gốc vay	(254.611.277.901)	(233.516.838.274)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(29.640.990.080)	(29.778.444.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(35.016.427.269)	36.376.716.881
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(138.549.978.862)	(101.261.849.404)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	284.863.979.715	188.247.233.905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.690.017)	8.713.130
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	146.307.310.836	86.994.097.631

Ngày 16 tháng 10 năm 2019

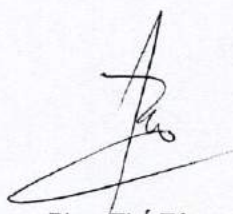
Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Phan Thế Tý



Trần Kim Liên

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014, thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014, thay đổi lần 12 ngày 05/12/2018 và thay đổi lần 13 ngày 11/01/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 11/01/2019, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 13, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc**Địa chỉ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

- Đến ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	CC dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; n/c ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

➤ Đến ngày 30/09/2019 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 684 người.

➤ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch
- Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó chủ tịch
- Ông Trần Đình Long	- Thành viên
- Ông Đỗ Bá Vọng	- Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Trà My	- Thành viên
- Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	- Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên

➤ **BAN KIỂM SOÁT**

- Bà Vũ Thị Lan Anh	- Trưởng ban
- Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Thành viên

➤ **BAN GIÁM ĐỐC**

- Bà Trần Kim Liên	- Tổng Giám đốc
- Ông Đỗ Bá Vọng	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Thọ	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Trường	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc

I. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	2- 5
Phần mềm máy tính	5
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiểm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-

Bộ Tài Chính ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2019 là năm thứ 9 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20%.

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.**

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	2.502.417.028	17.581.312.941
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.204.893.808	187.632.666.774
Các khoản tương đương tiền	50.600.000.000	79.650.000.000
Cộng	146.307.310.836	284.863.979.715

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a.Chứng khoán kinh doanh.**

	30/09/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP cảng rau quả (VGP)	636.162.000	521.538.200	(114.623.800)	636.162.000	456.095.900	(180.066.100)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		Tỷ lệ sở hữu (%)			
		30/09/2019		01/01/2019	
		Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đầu tư vào công ty con				
	Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306.080	53,80%	306.080	53,80%
	Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450,100	90.02%	450,100	90.02%
	Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96,41%	12.794.862	94,66%
	Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94,00%	4.700.000	94,00%
2	Đầu tư vào đơn vị khác				
	Công ty cổ phần GCT Thái Bình	194.126	19,49%	194.126	19,49%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Tập đoàn Thai Binh Seed	26.049.020.000			26.049.020.000		
3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn						
			30/09/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)
Phải thu khách hàng:						
- Cục Trồng trọt						-
- Công ty CP Giống Nông nghiệp Điện Biên			4.339.480.000			7.641.542.000
- Phạm Ngọc Minh			9.062.102.875			
- Phải thu khách hàng khác			132.797.715.580			186.727.923.998
Cộng			146.199.298.455			194.369.465.998
Dự phòng phải thu khó đòi			(7.485.622.858)			(7.571.400.864)
4. Trả trước cho người bán						
			30/09/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán:						
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp			22.827.118.830			7.281.664.000
Pingxiang Shi Chengtai Trade Co.,Ltd (máy sàng nông sản)			813.575.000			6.355.000.000
Công ty Cổ phần cơ khí chế tạo máy Long An			2.247.740.973			
Công ty CP xây lắp cơ khí & lương thực thực phẩm			6.168.500.000			
Công ty TNHH cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa			4.097.521.120			
Guangxi Candenly Import and Export Co.,LTD			6.910.329.821			
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác			2.589.451.916			926.664.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác			21.525.107.741			31.262.943.767
Ban Quản lý Dự án Khu công nghiệp Hà Nam			2.000.000.000			
Trả trước cho các nhà cung cấp khác			19.525.107.741			31.262.943.767
Cộng			44.352.226.571			38.544.607.767

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

5. Phải thu khác

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	2.092.794.621		6.288.351.367	
Phải thu dự án	8.331.811		187.710.271	
Tạm ứng cho khoán 01	996.740.465			
Chi phí sản xuất	1.486.151.956			
BHXH. KPCĐ	100.408.797		55.502.281	
Ký cược. ký quỹ	4.702.616.230		3.284.000.000	
Chi cục Thuế Đồng Tháp	2.114.960.000			
Phải thu khác	5.259.746.278		2.170.832.710	
Cộng	16.761.750.158		11.986.396.629	

6. Nợ xấu

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
- Khách hàng khác	7.485.622.858		7.571.400.864	
Cộng	7.485.622.858		7.571.400.864	

7. Hàng tồn kho

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.522.847.396		29.246.090.465	
Công cụ, dụng cụ	1.690.913.564		892.121.827	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.258.384.604		2.527.380.104	
Thành phẩm	413.151.091.258	11.754.023.035	303.451.594.784	8.557.515.971
Hàng hoá	6.569.399.501		17.462.094.078	
Cộng	460.192.636.323	11.754.023.035	353.579.281.258	8.557.515.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Chi phí quyền sử dụng đất	1.489.090.909	12.165.751.825
Trung tâm Công nghiệp và chế biến hạt giống và chế biến nông sản	172.159.543.181	7.863.710
Cộng	174.668.028.790	13.193.010.235

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	288.694.673.378	131.278.403.070	45.380.068.491	5.050.900.357	5.061.902.299	475.465.947.595
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	1.657.032.302	6.404.082.246	5.037.000.000	-	-	13.098.114.548
Thanh lý	-	(71.874.000)	(1.245.561.909)	-	-	(1.317.435.909)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	290.351.705.680	137.610.611.316	49.171.506.582	5.050.900.357	5.061.902.299	487.246.626.234
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	99.296.394.881	72.547.934.257	26.837.305.106	3.511.765.603	519.638.785	202.713.038.632
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	12.414.798.202	7.362.030.752	2.826.024.302	443.127.002	215.783.271	23.261.763.529
Thanh lý	-	(43.923.000)	(1.125.958.215)	-	-	(1.169.881.215)
Số dư cuối năm	111.711.193.083	79.866.042.009	28.537.371.193	3.954.892.605	735.422.056	224.804.920.946
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	189.398.278.497	58.730.468.813	18.542.763.385	1.539.134.754	4.542.263.514	272.752.908.963
Số dư cuối năm	178.640.512.597	57.744.569.307	20.634.135.389	1.096.007.752	4.326.480.243	262.441.705.288

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	156.014.620.089	58.382.682.274	15.088.600.000	2.693.788.824	232.179.691.187
Tăng trong năm	-	11.365.751.825	100.000.000	391.362.000	11.857.113.825
Thanh lý	-	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)
Phan loại lại	-	(2.004.129.564)	-	-	(2.004.129.564)
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.744.304.535	14.588.600.000	3.085.150.824	241.432.675.448
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		12.512.127.203	10.594.789.657	1.428.325.991	24.535.242.851
Khấu hao trong năm		1.263.325.666	423.354.174	369.948.426	2.056.628.266
Thanh lý		-	(210.000.000)	-	(210.000.000)
Phan loại lại		(522.692.473)	-	-	(522.692.473)
Số dư cuối năm	-	13.252.760.396	10.808.143.831	1.798.274.417	25.859.178.644
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	156.014.620.089	45.870.555.071	4.493.810.343	1.265.462.833	207.644.448.336
Số dư cuối năm	156.014.620.089	54.491.544.139	3.780.456.169	1.286.876.407	215.573.496.804

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

11. Chi phí trả trước

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	3.242.588.313	4.912.976.948
Chi phí sửa chữa, cải tạo	25.507.111	
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng	3.217.081.202	
Chi phí khác		4.912.976.948
b. Chi phí dài hạn	10.844.889.907	9.095.495.376
Chi phí sửa chữa cải tạo	4.855.592.363	2.212.607.177
Tiền thuê đất	5.089.820.997	5.166.057.200
Công cụ, dụng cụ	219.388.792	766.275.282
Chi phí khác	680.087.755	950.555.717

12. Lợi thế thương mại tại ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá	261.227.482.361	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035
Số dư đầu năm	261.227.482.361	26.557.087.281	1.911.006.045	232.759.389.035
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	109.673.506.206	21.245.669.825	905.096.173	87.522.740.208
Tăng trong năm	19.563.504.860	1.991.781.546	143.325.454	17.428.397.860
Số dư cuối năm	129.237.011.066	23.237.451.371	1.048.421.627	104.951.138.068
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	151.553.976.155	5.311.417.456	1.005.909.872	145.236.648.827
Tại ngày cuối năm	131.990.471.295	3.319.635.910	862.584.417	127.808.250.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	161.461.755.209	161.461.755.209	261.231.904.500	179.485.780.941	81.253.352.792	81.253.352.792
Vay ngân hàng ngắn hạn	54.461.755.209	54.461.755.209	154.231.904.500	179.485.780.941	81.253.352.792	81.253.352.792
Vay dài hạn đến hạn trả	107.000.000.000	107.000.000.000	107.000.000.000	-	-	-
 Vay dài hạn	 38.322.416.494	 38.322.416.494	 128.327.229.067	 167.768.860.571	 77.764.047.998	 77.764.047.998
Vay dài hạn	38.322.416.494	38.322.416.494	128.327.229.067	167.768.860.571	77.764.047.998	77.764.047.998
TỔNG CỘNG	199.784.171.703	186.804.171.703	389.559.133.567	347.254.641.512	159.017.400.790	159.017.400.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

14. Phải trả người bán

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán				
a ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	1.346.704.018	1.346.704.018	3.664.066.840	3.664.066.840
Phải trả người bán Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	11.189.609.259	11.189.609.259	62.783.814.475	62.783.814.475
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	7.160.434.000	7.160.434.000		
Phải trả cho các đối tượng khác	45.468.991.139	45.468.991.139	33.843.011.788	33.843.011.788
b Phải trả dài hạn	-	-		
Cộng	65.165.738.416	65.165.738.416	100.290.893.103	100.290.893.103

15. Chi phí phải trả

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	10.879.025.867	9.386.827.253
Chi phí lãi vay phải trả	33.590.137	78.623.637
Chi phí khuyến mãi, hoa hồng	-	2.952.954.450
Chi phí phải trả tiền bản quyền	4.475.973.079	3.877.921.600
Chi phí phải trả khác	6.369.462.651	2.477.327.566
b Phải trả dài hạn	239.192.000	150.242.000
Phải trả dài hạn khác	239.192.000	150.242.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu				
Thuế GTGT	1.511.852.317	1.526.151.258	2.855.338.450	203.778.043
Thuế khác	159.022.564	1.080.640.508	1.238.292.361	7.782.257
TỔNG CỘNG	1.670.874.881	2.606.791.766	4.093.630.811	211.560.300
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	108.842.293	2.475.042.931	2.459.276.258	124.608.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.268.782.309	22.209.111.098	26.971.275.126	7.653.115.311
Thuế thu nhập cá nhân	559.302.535	10.734.508.248	11.047.207.100	246.603.683
Thuế khác	-	2.801.571.209	2.453.006.449	348.564.760
TỔNG CỘNG	10.936.927.137	38.220.233.486	42.930.764.933	8.372.892.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

17. Phải trả khác

	30/09/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Cổ tức phải trả	28.706.670.910	894.018.610
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV	16.574.801.358	17.948.584.929
Dự án	2.840.901.675	60.000.000.000
Chi phí sản xuất	18.122.736.457	
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất KPCĐ	193.183.440	851.501.469
BHXH, BHYT, BHTN	323.259.171	33.472.000
Thủ lao HĐQT và BKS		250.000.000
Các khoản CKTM, HTVC	16.898.284.993	
Lãi trái phiếu phải trả	2.494.516.438	
Chi phí phải trả các dự án lúa, ngô CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ DAEWON THỦ ĐỨC	23.816.250.000	771.779.846
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	76.183.750.000	
Phải trả nhà cung cấp	15.928.352	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.853.759.664	5.492.251.972
Cộng	189.024.042.458	86.241.608.826

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	242.439.700	328.878.000
Cộng	242.439.700	328.878.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

ĐVT: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	304.975.948.390	135.386.025.237	134.753.884.937	1.059.271.386.414
Phát hành cổ phiếu (*)	22.919.880.000				(22.919.880.000)		
Lợi nhuận trong năm					238.797.753.551	13.903.853.847	252.701.607.398
Mua lại cổ phiếu quỹ			(10.000.000)		-		(10.000.000)
Trích lập quỹ				80.189.844.698	(80.189.844.698)		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(37.971.578.001)	(2.304.767.656)	(40.276.345.657)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 (*)					(3.902.002)	(7.649.087.040)	(7.652.989.042)
Thù lao Hội đồng quản trị					(1.030.920.378)	(351.704.933)	(1.382.625.311)
Sử dụng quỹ				(23.746.016.985)		(606.127.146)	(24.352.144.131)
Thay đổi sở hữu trong công ty con và thoái vốn công ty con					(128.884.427.912)	(55.289.600.406)	(184.174.028.318)
Giảm khác					(1.049.894.354)	(480.917.774)	(1.530.812.128)
Số dư cuối năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạingày 30 tháng 09 năm 2019

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225
Lợi nhuận trong năm					128.864.912.777		128.864.912.777
Mua lại cổ phiếu quỹ					(10.772.626.274)		(10.772.626.274)
Phân bổ vào các quỹ				47.173.734.512	(47.173.734.512)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(27.550.301.649)		(27.550.301.649)
Thù lao hội đồng quản trị					(4.017.800.907)		(4.017.800.907)
Sử dụng quỹ				(14.704.945.044)	-		(14.704.945.044)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 (*)					(52.723.092.960)		(52.723.092.960)
Tăng/Giam khác					1.236.349.255	(7.422.502.628)	(6.186.153.373)
Số dư cuối kỳ này	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	393.888.565.571	89.997.037.172	74.553.031.201	1.065.504.041.794

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2019 (VND)	2018 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	393.888.565.571	361.419.776.103
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	393.888.565.571	361.419.776.103

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

	30/09/2019
	(VND)
a. Tài sản nhận giữ hộ	762.740.055
b. Hàng hóa nhận giữ hộ	191.716.382.317
c. Ngoại tệ :	

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK	EUR
Tại quỹ	9.474	8.532		2.170
Tại ngân hàng		71.220,21	-	

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2.892.931.475 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạingày 30 tháng 09 năm 2019

VI.Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1.080.987.674.934	1.126.825.112.347
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.698.020.894	3.280.643.168
Cộng	1.084.685.695.828	1.130.105.755.515

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chiết khấu thương mại	34.192.629.073	33.953.318.882
Hàng bán bị trả lại	365.719.200	954.429.530
Giảm giá hàng bán	77.736.707.155	37.452.337.944
Cộng	112.295.055.428	72.360.086.356

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Giá vốn của hàng hóa đã bán	617.959.572.343	674.136.169.524
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	3.196.507.064	8.909.175.754
Cộng	621.156.079.407	683.045.345.278

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lãi chênh lệch tỷ giá	953.796.740	752.413.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.914.744.794	3.788.332.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.628.108.120	2.160.012.023
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.091.187	
Cộng	5.499.740.841	6.700.757.938

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạingày 30 tháng 09 năm 2019

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lãi tiền vay	8.702.284.346	8.520.773.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.303.289.714	1.741.086.264
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(65.442.300)	230.016.900
Chiết khấu thanh toán	609.138.908	5.345.054.704
Chi phí hoạt động tài chính khác	49.569.739	122.389.673
Cộng	10.598.840.407	15.959.321.510

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Thu nhập khác	2.695.251.588	2.266.825.037
Chi phí khác	3.147.868.021	2.450.978.267
Cộng	(452.616.433)	(184.153.230)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
a. Chi phí bán hàng	85.516.899.052	83.436.803.792
Chi phí nhân viên	29.258.950.572	29.238.365.856
Chi phí mua ngoài (chế biến đóng gói, vận chuyển...)	16.355.677.867	31.032.804.727
Các khoản chi phí bán hàng khác	39.902.270.613	23.165.633.209
b. Chi phí quản lý	105.356.405.528	110.640.029.112
Chi phí nhân viên	45.953.168.920	51.162.917.090
Các khoản chi phí QLDN khác	39.839.731.749	39.988.143.010
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	19.563.504.860	19.488.969.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạingày 30 tháng 09 năm 2019

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	665.982.602.785	815.990.877.161
Chi phí nhân công	84.690.515.431	90.373.943.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.881.896.655	44.959.144.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.665.138.180	73.904.063.720
Chi phí bằng tiền khác	14.350.725.944	16.912.588.357
Cộng	859.570.878.995	1.042.140.617.282

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	21.877.078.414	14.918.677.581
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	473.363.961
Thuế thu nhập hoãn lại	38.440.010	612.025.899

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 30/09/2019	Tại 30/09/2018
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	128.864.912.775	145.328.873.909
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	15.282.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.332	9.509

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

ĐVT : VND

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	166.406.739.607	192.682.000.055
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	100.000.000.000	107.000.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	154.611.277.901	233.516.838.274
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	100.000.000.000	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	17.226.670.588	31.382.555.324
Cộng	17.226.670.588	31.382.555.324

Lợi nhuận quý 3 năm 2019 bằng 59,64% so với quý 3 năm 2019 do ảnh hưởng hạn hán của vụ xuân và vụ đông năm 2019; ảnh hưởng của nước ngập mặn nên một số địa phương không có đủ điều kiện để sản xuất, dẫn đến sản lượng hàng bán giảm, doanh thu và lợi nhuận giảm.

Các giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
Thù lao, lương và thưởng	15.160.173.809	17.820.511.002
Cộng	15.160.173.809	17.820.511.002

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

2. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Đến 1 năm	2.399.590.254	2.399.590.254
Trên 1 – 5 năm	8.667.021.540	8.667.021.540
Trên 5 năm	16.912.706.013	16.912.706.013
Cộng	27.979.317.807	27.979.317.807

3. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Lập, ngày 16 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Kim Liên